



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002333

Tên học phần: **Bản đồ học và Hệ thống tin địa lý**

Mã học phần: ENV10006

Lớp: **21KMT**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	1717020	Dương Lê Tú	Anh								
2	18170023	Vũ Hoàng Thiên	Ân								
3	18170048	Võ Văn	Hoàn								
4	18170057	Ngô Hữu	Khôi								
5	19170157	Đỗ	Hùng								
6	19170175	Nguyễn Hoài	Linh	1			8	3		Tám ba	
7	19170181	Nguyễn Hoàng	Nam	1			7	3		Bảy ba	
8	19170206	Nguyễn Xuân	Phúc	1			9	0		Chín không	
9	19170807	Lê Duy	Khoa								
10	21170048	Phạm Nguyễn Anh	Thư								
11	21170057	Huỳnh Lê Minh	Kha	1			8	0		Tám không	
12	21170058	Nguyễn Đức	Nguyên	1			7	5		Bảy năm	
13	21170059	Lê Võ Hoàng Thanh	An	1			8	0		Tám không	
14	21170061	Nguy Văn	Anh	1			1	0		Một không	
15	21170062	Nguyễn Thị Lan	Anh	1			6	5		Sáu năm	
16	21170065	Võ Quang	Anh	1			6	5		Sáu năm	
17	21170066	Vũ Quế	Anh	1			1	0		Một không	
18	21170069	Lê Minh	Chiến								
19	21170071	Trần Anh Hải	Đặng	1			8	5		Tám năm	
20	21170074	Phạm Tuấn	Dũng	1			6	5		Sáu năm	
21	21170075	Nguyễn Thị Ánh	Dương	1			1	0		Một không	
22	21170076	Trần Bách	Dương	1			1	0		Một không	
23	21170078	Ngô Viễn Hoàng	Duy	1			5	0		Năm không	
24	21170079	Nguyễn Đức	Duy	1			1	0		Một không	
25	21170080	Nguyễn Thanh	Duy	1			1	0		Một không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Ngọc Tuyên 2) Trần Quang Trung	Họ, tên: Nguyễn Ngọc Huyền Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002334

Tên học phần: **Bản đồ học và Hệ thống tin địa lý**

Mã học phần: ENV10006

Lớp: **21KMT**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
26	21170081	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	1	Duyen			1	0	Một không	
27	21170083	Phạm Hoàng Phú	Gia	1	Pham			1	0	Một không	
28	21170084	Dương Thị Trà	Giang	1	Duong			8	0	Tám không	
29	21170085	Đoàn Thị Ngọc	Hân	1	Doan			1	0	Một không	
30	21170087	Ngô Võ Hồng	Hân	1	Ngô			5	0	Năm không	
31	21170090	Nguyễn Anh	Hào	1	Nguyen			6	5	Sáu năm	
32	21170091	Đoàn Cao Trung	Hậu	1	Doan			1	0	Một không	
33	21170094	Lý Thị	Hiền	1	Ly			1	0	Một không	
34	21170095	Nguyễn Như	Hiếu	1	Nguyen			9	0	Chín không	
35	21170096	Trần Thị	Hoa	1	Tran			1	0	Một không	
36	21170098	Nguyễn Thị An	Hòa	1	Nguyen			8	5	Tám năm	
37	21170099	Đặng Xuân	Hoan								
38	21170100	Lâm Quang	Hùng	1	Lam			6	5	Sáu năm	
39	21170101	Huỳnh Long	Hung	1	Hung			5	0	Năm không	
40	21170103	Nguyễn Văn	Khanh	1	Nguyen			1	0	Một không	
41	21170104	Phạm Lê Công	Khanh	1	Pham			7	5	Bảy năm	
42	21170106	Lê Hoàng	Khôi	1	Le			1	0	Một không	
43	21170107	Nguyễn Minh	Khôi	1	Nguyen			7	5	Bảy năm	
44	21170108	Nguyễn Ngọc Hà	Khôi	1	Nguyen			7	0	Bảy không	
45	21170110	Phan Ngọc	Kim	1	Phan			7	5	Bảy năm	
46	21170115	Trần Thanh Trúc	Linh	1	Tran			1	0	Một không	
47	21170116	Nguyễn Nhi	Lộc	1	Nguyen			6	5	Sáu năm	
48	21170117	Lâm Uy	Lợi	1	Lam			6	5	Sáu năm	
49	21170119	Trần Bảo	Long								
50	21170120	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Mai	1	Nguyen			7	5	Bảy năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Ngọc Tuyên. Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Ngọc Tuyên. Chữ ký:	Họ, tên:
2) Trần Quang Trà. Chữ ký:		Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002335

Tên học phần: **Bản đồ học và Hệ thống tin địa lý**

Mã học phần: ENV10006

Lớp: **21KMT**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
51	21170121	Nguyễn Ngọc	Mai	1	<i>mai</i>	☐		7	5	Bảy năm	
52	21170127	Phạm Thị Thanh	My	1	<i>My</i>	☐		7	5	Bảy năm	
53	21170128	Lê Tấn	Nam	1	<i>tam</i>	☐		7	0	Bảy không	
54	21170129	Nguyễn Quỳnh	Nga			☒					
55	21170130	Lê Võ Bảo	Ngân	1	<i>Ngân</i>	☐		8	5	Tám năm	
56	21170131	Lương Tài	Ngân	1	<i>Tài</i>	☐		7	5	Bảy năm	
57	21170133	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1	<i>ngân</i>	☐		7	5	Bảy năm	
58	21170134	Phương Thị Thảo	Ngân	1	<i>Thảo</i>	☐		1	0	Một không	
59	21170135	Nguyễn Đỗ Phương	Nghi	1	<i>Phuong</i>	☐		7	5	Bảy năm	
60	21170136	Lê Hồng	Ngọc	1	<i>Hồng</i>	☐		9	0	Chín không	
61	21170138	Nguyễn Đặng Phương	Ngọc	1	<i>Nguyen</i>	☐		5	0	Năm không	
62	21170139	Ông Thúy	Ngọc	1	<i>Thúy</i>	☐		1	0	Một không	
63	21170140	Tào Mỹ	Ngọc	1	<i>Mỹ</i>	☐		5	0	Năm không	
64	21170141	Phạm Võ Như	Nguyễn	1	<i>Nguyen</i>	☐		5	5	Năm năm	
65	21170142	Huỳnh Thanh	Nhàn	1	<i>Thanh</i>	☐		5	0	Năm không	
66	21170144	Châu Mẫn	Nhi			☒					
67	21170145	Đoàn Thị Tuyết	Nhi	1	<i>Tuyết</i>	☐		1	0	Một không	
68	21170146	Lương Ngọc Lan	Nhi	1	<i>Lan</i>	☐		1	0	Một không	
69	21170149	Võ Lê Vân	Nhi	1	<i>Vân</i>	☐		1	0	Một không	
70	21170150	Trần Huỳnh	Như			☒					
71	21170155	Lê Minh	Quang	1	<i>Minh</i>	☐		1	0	Một không	
72	21170157	Đặng Thị Kim	Quy	1	<i>Kim</i>	☐		8	0	Tám không	
73	21170159	Trương Thị Trúc	Quyên	1	<i>Truc</i>	☐		6	5	Sáu năm	
74	21170162	Nguyễn Quốc Khánh	Tân	1	<i>Khánh</i>	☐		8	0	Tám không	
75	21170164	Võ Thị Nhật	Thanh	1	<i>Nhat</i>	☐		8	0	Tám không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Ngọc Tuyết</i> Chữ ký: <i>Tuyết</i> 2) <i>Đoàn Quang Nhã</i> Chữ ký: <i>Nhã</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Ngọc Quyên</i> Chữ ký: <i>Quyên</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002336

Tên học phần: **Bản đồ học và Hệ thống tin địa lý**

Mã học phần: ENV10006

Lớp: **21KMT**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	21170166	Nguyễn Văn	Thiện	1	Th	☐		9	0	Chín không	
77	21170167	Huỳnh Lê Anh	Thư	1	Th	☐		8	5	Tám năm	
78	21170168	Nguyễn Minh	Thư	1	Thư	☐		7	0	Bảy không	
79	21170171	Trần Thanh	Thúy	1	Thư	☐		7	5	Bảy năm	
80	21170172	Lý Thanh	Thủy	1	Thư	☐		5	5	Năm năm	
81	21170173	Lê Bảo	Toàn	1	Thư	☐		8	5	Tám năm	
82	21170177	Trần Văn Mỹ	Trần	1	Trần	☐		4	0	Bốn không	
83	21170178	Nguyễn Thị Thúy	Trang			☒					
84	21170179	Nguyễn Lê Minh	Trí	1	Trí	☐		6	0	Sáu không	
85	21170183	Nguyễn Quang	Tuấn			☒					
86	21170184	Mai Quốc	Tùng	1	Thư	☐		7	0	Bảy không	
87	21170186	Lương Ngọc	Tuyền			☒					
88	21170187	Trần Ngọc Thanh	Tuyền			☒					
89	21170188	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	1	Thư	☐		3	0	Ba không	
90	21170189	Mai Hoàng Hải	Uyên	1	Uyên	☐		6	5	Sáu năm	
91	21170190	Nguyễn Thị Phương	Uyên	1	Uyên	☐		1	0	Một không	
92	21170191	Nguyễn Trâm Vũ	Uyên	1	Uyên	☐		7	5	Bảy năm	
93	21170194	Trần Kiến	Vinh	1	Thư	☐		1	0	Một không	
94	21170195	Võ Quang	Vinh	1	Vinh	☐		1	0	Một không	
95	21170197	Lê Tuyết	Vy	1	Thư	☐		8	0	Tám không	
96	21170198	Phạm Khánh	Vy	1	Phạm Khánh	☐		7	0	Bảy không	
97	21170200	Phạm Thị Kim	Y	1	Y	☐		8	5	Tám năm	
98						☐					
99						☐					
100						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Ngọc Tuyên Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Ngọc Tuyên Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Trần Quang Hải Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002435

Tên học phần: **Vật lý linh kiện điện tử**

Mã học phần: ETC10001

Lớp: **21DTV1**Ngày thi: **13/04/2023** Giờ thi: **13:00 - 14:00**Phòng thi: **G302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	18200089	Cao Hoàng	Gia			☐	0	0			
2	18200120	Đoàn Việt	Huy			☐	2	3			
3	18200136	Bùi Đình	Khải			☐	1	7			
4	18200235	Trương Trần Huỳnh	Thành			☐	0	0			
5	18200238	Trịnh Quang	Thế			☐	5	7			
6	19200341	Nguyễn Duy	Khánh			☐	4	5			
7	19200376	Lê Nhật	Minh			☐	2	3			
8	19200380	Nguyễn Tuấn	Minh			☐	1	3			
9	19200402	Phan Văn	Nguyên			☐	2	8			
10	19200419	Hoàng Trần Tấn	Phát			☐	2	5			
11	19200502	Mai Hữu	Thịnh			☐	1	3			
12	19200512	Bùi Minh	Thuận			☐	2	7			
13	19200559	Nguyễn Hoàng	Tùng			☐	1	8			
14	19200578	Trần Huỳnh Hoàng	Vương			☐	0	0			
15	20200022	Nguyễn Đức	Duy			☐	4	5			
16	20200024	Trần Mai	Giang			☐	4	7			
17	20200034	Nguyễn Tấn	Hung			☐	8	5			
18	20200042	Lê Hoàng	Khải			☐	9	3			
19	20200043	Trần Minh	Khang			☐	2	7			
20	20200044	Hồ Gia	Khiêm			☐	7	0			
21	20200085	Nguyễn Văn	Thành			☐	5	8			
22	20200110	Nguyễn Huy	Trường			☐	5	8			
23	20200120	Đặng Quốc	Khánh			☐	1	3			
24	20200137	Lê Tấn Bảo	Bảo			☐	5	3			
25	20200142	Võ Lý	Bình			☐	1	0			

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: **NV. Thuận Trang** Chữ ký: **Thuận Trang**
 1).....Chữ ký:.....
 2).....Chữ ký:.....

Họ, tên: **Nguyễn Thị Thuận Trang**
 Chữ ký: **Nguyễn Thị Thuận Trang**

Họ, tên:
 Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232002436

Tên học phần: **Vật lý linh kiện điện tử**

Mã học phần: ETC10001

Lớp: **21DTV1**Ngày thi: **13/04/2023** Giờ thi: **13:00 - 14:00**Phòng thi: **G 302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	20200188	Văn Công	Hào			☐		4	5		
27	20200211	Bùi Quốc	Hưng			☐		5	7		
28	20200220	Lữ Gia	Huy			☐		8	3		
29	20200234	Hà Anh	Khoa			☐		5	3		
30	20200254	Trần Ngọc	Luân			☐		0	0		
31	20200265	Nguyễn Thanh	Minh			☐		4	7		
32	20200272	Nguyễn Phi	Nam			☐		0	0		
33	20200309	Bùi Hữu	Phúc			☐		3	7		
34	20200318	Nguyễn Hồng	Phương			☐		4	7		
35	20200329	Nguyễn Trường	Son			☐		0	0		
36	20200343	Lê Thị	Thảo			☐		5	3		
37	20200348	Lê Trường	Thịnh			☐		3	2		
38	20200372	Nguyễn Hữu	Triển			☐		4	7		
39	20200378	Hoàng Ngọc	Trung			☐		4	7		
40	20200387	Nguyễn Xuân	Trường			☐		4	3		
41	20200388	Phạm Quang	Trường			☐		4	3		
42	20200419	Nguyễn Duy	Vinh			☐		0	0		
43	21200006	Hoàng Đức	Duy			☐		8	0		
44	21200009	Nguyễn Xuân	Hoàng			☐		9	5		
45	21200014	Nguyễn Hoàng	Nguyên			☐		9	5		
46	21200023	Nguyễn Lê	Vũ			☐		8	3		
47	21200024	Lê Quốc	An			☐		5	3		
48	21200026	Nguyễn Trường	An			☐		8	0		
49	21200027	Hà Quốc	Anh			☐		5	3		
50	21200028	Lê Nguyễn Tuấn	Anh			☐		5	3		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Văn Trường</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u> 2) Chữ ký:	Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Thị Thuần Trang</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u> 2) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232002437

Tên học phần: **Vật lý linh kiện điện tử**

Mã học phần: ETC10001

Lớp: **21DTV1**Ngày thi: **13/04/2023** Giờ thi: **13:00 - 14:00** Phòng thi: **G 302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	21200034	Trần Nguyễn Hoàng Minh	Anh			☐		2	0		
52	21200036	Võ Lê Đức	Anh			☐		7	0		
53	21200037	Đặng Hoàng Nguyên	Bảo			☐		3	0		
54	21200038	Lý Hoàng	Bảo			☐		7	5		
55	21200041	Trần Nguyễn Thiên	Bảo			☐		8	3		
56	21200047	Đinh Đức	Chung			☐		8	5		
57	21200055	Nguyễn Trần Anh	Đạt			☐		6	7		
58	21200065	Trần Anh	Dũng			☐		5	0		
59	21200066	Vương Nguyễn Tiến	Dũng			☐		8	7		
60	21200067	Bùi Khánh	Duy			☐		0	0		
61	21200068	Bùi Quốc	Duy			☐		9	5		
62	21200069	Chế Hoàng	Duy			☐		8	2		
63	21200071	Lê Đức	Duy			☐		8	3		
64	21200075	Trần Đức	Duy			☐		8	5		
65	21200091	Nguyễn Huy	Hoàng			☐		5	0		
66	21200092	Vũ Hiếu	Hoàng			☐		6	7		
67	21200093	Trần Thanh	Hồng			☐		6	7		
68	21200095	Đặng Phan Quốc	Hùng			☐		6	7		
69	21200098	Nguyễn Ngọc	Hung			☐	1	0	0		
70	21200101	Lê Nhất	Huy			☐	1	0	0		
71	21200103	Trương Nguyễn Quang	Huy			☐		0	0		
72	21200106	Nguyễn Đoàn Nguyên	Khang			☐		9	3		
73	21200110	Hoàng Bảo	Khánh			☐		5	3		
74	21200115	Nguyễn Đăng	Khoa			☐		9	2		
75	21200124	Phạm Khánh	Linh			☐		3	2		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>N. Văn Trang</u> Chữ ký: <u>thuy</u> 2) Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Thiên Trang</u> Chữ ký: <u>thuy</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232002438

Tên học phần: **Vật lý linh kiện điện tử**

Mã học phần: ETC10001

Lớp: **21DTV1**

Ngày thi: **13/04/2023**

Giờ thi: **13:00 - 14:00**

Phòng thi: **G302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	21200131	Lê Quang	Luật					9	3		
77	21200138	Lê Văn	Minh					9	2		
78	21200139	Nguyễn Quang	Minh					6	7		
79	21200144	Cao Văn	Nam				1	0	0		
80	21200147	Lê Tấn	Nam				1	0	0		
81	21200150	Trần Văn	Nghĩa					7	8		
82	21200152	Võ Bích	Ngọc					6	3		
83	21200162	Hoàng Bùi An	Ninh					9	3		
84	21200167	Nguyễn Minh	Phát					0	0		
85	21200176	Nguyễn Hòa	Phúc					9	8		
86	21200192	Nguyễn Nho Đăng	Quang					6	0		
87	21200196	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh					9	2		
88	21200197	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh				1	0	0		
89	21200199	Nguyễn Thanh	Sang					0	0		
90	21200200	Nguyễn Nam	Son					7	8		
91	21200201	Phạm Hoàng	Son					8	8		
92	21200202	Trịnh Hải	Son					9	5		
93	21200203	Vũ Nam	Son					6	0		
94	21200210	Lê Đình Quốc	Thái					4	5		
95	21200214	Nguyễn Tiến	Thắng					8	7		
96	21200218	Nguyễn Minh	Thiện					9	8		
97	21200237	Nguyễn Trung	Tính					6	5		
98	21200241	Nguyễn Đăng	Trí					0	0		
99	21200242	Nguyễn Huỳnh Minh	Trí					4	5		
100	21200247	Trần Quốc	Trung					6	3		

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1) <i>Nguyễn Trọng</i>	Chữ ký: <i>Nguyễn Trọng</i>	1) <i>Nguyễn Trọng</i>	Chữ ký: <i>Nguyễn Trọng</i>		
2)	Chữ ký:	2)	Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232002439

Tên học phần: **Vật lý linh kiện điện tử**

Mã học phần: ETC10001

Lớp: **21DTV1**

Ngày thi: **13/04/2023** Giờ thi: **13:00 - 14:00** Phòng thi: **G302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
101	21200249	Hoàng Hữu	Tú			○	1	0	0		
102	21200250	Trần Anh	Tú			○		2	3		
103	21200252	Trần Vĩnh	Tường			○		6	3		
104	21200255	Nguyễn Quốc	Việt			○		5	8		
105	21200256	Chu Quang	Vinh			○		8	5		
106	21200260	Nguyễn Minh	Vượng			○		9	3		
107	21200262	Nguyễn Đức	Yên			○		0	0		
108	21200268	Nguyễn Chiêu	Bảo			○		9	2		
109	21200269	Nguyễn Gia	Bảo			○	1	0	0		
110	21200270	Phạm Hoàng Gia	Bảo			○		0	0		
111	21200271	Đặng Nhật	Bình			○		8	3		
112	21200272	Nguyễn Đức Việt	Bình			○		9	3		
113	21200273	Châu Chí	Cường			○		7	8		
114	21200285	Võ Tư	Hải			○		9	3		
115	21200298	Phạm Hoàng	Khải			○		9	2		
116	21200302	Nguyễn Hồ Tuấn	Kiệt			○		9	2		
117	21200307	Võ Thị	Lên			○	1	0	0		
118	21200318	Trần Hữu	Nghĩa			○	1	0	0		
119	21200321	Trương Thị Quỳnh	Nhi			○		6	7		
120	21200335	Đoàn Tôn Việt	Phương			○		3	2		
121	21200337	Nguyễn Hồng	Quân			○		9	3		
122	21200345	Hồ Xuân	Sang			○	1	0	0		
123	21200358	Trần Hữu	Thức			○	1	0	0		
124	21200364	Bồ Quốc	Triệu			○		6	7		
125	21200365	Võ Minh	Trung			○	1	0	0		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Trọng</u> Chữ ký: <u>Nguyễn Trọng</u> 2) Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Thuận Trang</u> Chữ ký: <u>Nguyễn Thị Thuận Trang</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002440

Tên học phần: **Vật lý linh kiện điện tử**

Mã học phần: ETC10001

Lớp: **21DTV1**

Ngày thi: **13/04/2023** Giờ thi: **13:00 - 14:00** Phòng thi: **G302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
126	21200370	Trần Quốc	Việt			☐		6	0		
127	21200372	Trần Nguyễn Tường	Vũ			☐		9	8		
128	21200374	Mai Thị Cẩm	Ly			☐		9	3		
129						☐					
130						☐					
131						☐					
132						☐					
133						☐					
134						☐					
135						☐					
136						☐					
137						☐					
138						☐					
139						☐					
140						☐					
141						☐					
142						☐					
143						☐					
144						☐					
145						☐					
146						☐					
147						☐					
148						☐					
149						☐					
150						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1) <i>Nguyễn Văn Trọng</i>	Chữ ký: <i>Nguyễn Văn Trọng</i>	1) <i>Nguyễn Văn Trọng</i>	Chữ ký: <i>Nguyễn Văn Trọng</i>		
2)	Chữ ký:	2) <i>Nguyễn Văn Trọng</i>	Chữ ký: <i>Nguyễn Văn Trọng</i>		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002441

Tên học phần: **Vật lý linh kiện điện tử**

Mã học phần: ETC10001

Lớp: 21DTV2

Ngày thi: 13/04/2023

Giờ thi: 08:00 - 09:00

Phòng thi: F304

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	18200053	Nguyễn Cao Hoàng	Ân					3	7		
2	18200104	Trần Nhuận Trọng	Hiếu					3	3		
3	18200184	Trịnh Thái	Nguyên					0	0		
4	19200247	Nguyễn Gia	Bảo					0	0		
5	19200324	Nguyễn Quốc	Hung					8	3		
6	19200490	Nguyễn Chí	Thành					0	0		
7	20200011	Tô Thế	Bảo					5	7		
8	20200015	Trà Nguyễn Huy	Cường					0	0		
9	20200019	Chúc Trịnh Hùng	Dũng					4	7		
10	20200040	Trần Ngọc	Huy					5	2		
11	20200063	Đỗ Nhật	Phát					5	2		
12	20200072	Nguyễn Lê Nhật	Quang					0	0		
13	20200143	Phạm Huỳnh	Chí					5	2		
14	20200164	Trần Phát	Đạt					0	0		
15	20200174	Bùi Nguyễn Anh	Duy					1	8		
16	20200187	Ông Lâm Huỳnh Nhật	Hào					0	0		
17	20200189	Trần Hoàng	Hạo					5	2		
18	20200190	Lê Phúc	Hậu					5	0		
19	20200215	Nguyễn Văn Duy	Hung					0	7		
20	20200233	Đinh Nguyễn Đăng	Khoa					5	2		
21	20200235	Nguyễn Đăng	Khoa					0	0		
22	20200251	Võ Thành	Lộc					0	0		
23	20200253	Nguyễn Hữu	Luân					2	5		
24	20200269	Nguyễn Hoài	Nam					3	0		
25	20200271	Nguyễn Hoàng Nhật	Nam					0	0		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Nguyễn Văn Trọng</u> Chữ ký: <u>Nguyễn Văn Trọng</u> 2) Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Thiên Trang</u> Chữ ký: <u>Nguyễn Thị Thiên Trang</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002442

Tên học phần: **Vật lý linh kiện điện tử**

Mã học phần: ETC10001

Lớp: 21DTV2

Ngày thi: 13/04/2023

Giờ thi: 08:00 - 09:00

Phòng thi: F304

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	20200301	Đặng Hữu	Phát				5	3			
27	20200319	Nguyễn Trung	Quân				3	0			
28	20200326	Võ Trường	Sang				1	7			
29	20200327	Hàng Hải	Son				1	7			
30	20200334	Nguyễn Thành	Tâm				4	3			
31	20200359	Lê Văn	Tiêm				3	0			
32	20200361	Lê Tự	Tiến				0	0			
33	20200373	Nguyễn Bá	Triệu				0	0			
34	20200374	Nguyễn Quốc	Triệu				4	5			
35	20200379	Huỳnh Trần Quốc	Trung				4	5			
36	20200385	Nguyễn Huỳnh Nhựt	Trường				0	0			
37	20200415	Phạm Quang	Văn				0	0			
38	20200416	Phan Thành	Văn				8	0			
39	21200051	Phan Công	Danh				7	3			
40	21200072	Lê Hoàn	Duy				0	0			
41	21200081	Nguyễn Thị Minh	Hân				9	0			
42	21200127	Nguyễn Huỳnh	Long				9	3			
43	21200158	Lê Thị Uyển	Nhi				9	0			
44	21200166	Lý Tuấn	Phát				9	3			
45	21200184	Nguyễn Triệu Nam	Phương				0	0			
46	21200191	Lê Bá Trí	Quang				4	3			
47	21200225	Trịnh Tuấn	Thịnh				0	0			
48	21200236	Trần Trung	Tín				7	7			
49	21200238	Lâm Ngọc Thu	Trang				8	8			
50	21200259	Nguyễn Huy	Vũ				4	3			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>M. Thuận Trang</u> Chữ ký: <u>M. Thuận Trang</u> 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Thuận Trang</u> Chữ ký: <u>Nguyễn Thị Thuận Trang</u>Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002443

Tên học phần: **Vật lý linh kiện điện tử**

Mã học phần: ETC10001

Lớp: **21DTV2**

Ngày thi: **13/04/2023** Giờ thi: **08:00 - 09:00** Phòng thi: **F304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ă n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
51	21200267	Dương Quốc	Bảo					0	0		
52	21200274	Nguyễn Tiến	Đại					6	7		
53	21200275	Võ Thành	Danh				1	0	0		
54	21200276	Lê Văn	Đạt					9	5		
55	21200277	Nguyễn Thành	Đạt					6	5		
56	21200279	Nguyễn Huy	Du					9	3		
57	21200280	Lê Đình	Dũng				1	0	0		
58	21200281	Nguyễn Tiến	Dũng					0	7		
59	21200282	Phạm Quang	Dũng					6	7		
60	21200283	Nguyễn Đào Bình	Dương					6	7		
61	21200284	Nguyễn	Giang				1	0	0		
62	21200286	Trần Hữu	Hạnh					5	8		
63	21200287	Danh Chí	Hiền					9	0		
64	21200288	Nguyễn Thừa Vũ	Hiệp					9	7		
65	21200289	Hồ Công	Hiếu					7	8		
66	21200290	Nguyễn Văn	Hiếu					8	7		
67	21200293	Lê Quang	Huy					7	3		
68	21200294	Nguyễn Nhất	Huy					8	8		
69	21200296	Đặng Văn	Hy					8	2		
70	21200301	Phạm Ngọc	Khôi					0	0		
71	21200303	Nguyễn Tuấn	Kiệt					9	5		
72	21200304	Trần Tuấn	Kiệt					9	2		
73	21200305	Nguyễn Vũ Lục	Lam					9	2		
74	21200308	Huỳnh Thị Quỳnh	Liên					9	8		
75	21200309	Nguyễn Thành	Lộc					3	3		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Trọng</i> Chữ ký: <i>Nguyễn Trọng</i> 2) Chữ ký:	Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Thiên Trang</i> Chữ ký: <i>Nguyễn Thị Thiên Trang</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002444

Tên học phần: **Vật lý linh kiện điện tử**

Mã học phần: ETC10001

Lớp: **21DTV2**

Ngày thi: **13/04/2023** Giờ thi: **08:00 - 09:00**

Phòng thi: **F304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	21200310	Lê Ngọc	Long			☐	1	0	0		
77	21200311	Lý Minh	Mẫn			☐	1	0	0		
78	21200312	Nguyễn Đặng Duy	Mạnh			☐	1	0	0		
79	21200314	Phan Hoàng Anh	Minh			☐		2	0		
80	21200316	Ngô Thế	Nam			☐		6	5		
81	21200317	Nguyễn Quang	Nghĩa			☐		5	7		
82	21200320	Trần Nguyên	Nhật			☐		8	3		
83	21200322	Thạch Minh	Như			☐		5	3		
84	21200323	Võ Thị Hồng	Nhung			☐		7	7		
85	21200324	Trần Quang	Nhật			☐		0	0		
86	21200325	Đoàn Nhật	Ninh			☐		9	0		
87	21200326	Nguyễn Tấn	Phát			☐	1	0	0		
88	21200327	Vũ Hưng	Phát			☐	1	0	0		
89	21200328	Nguyễn Đức	Phú			☐	1	0	0		
90	21200329	Lê Thiện	Phúc			☐		0	0		
91	21200330	Lưu Thái	Phúc			☐		0	0		
92	21200331	Nguyễn Duy	Phúc			☐		7	0		
93	21200332	Trần Bảo	Phúc			☐		8	2		
94	21200333	Phan Hữu	Phước			☐		9	5		
95	21200334	Bùi Mai	Phương			☐		0	0		
96	21200336	Nguyễn Minh	Phương			☐		2	3		
97	21200338	Đỗ Duy	Quang			☐		9	3		
98	21200339	Đỗ Minh	Quang			☐		6	2		
99	21200342	Trần Lê Nhật	Quin			☐		9	2		
100	21200344	Phạm Bảo	Quốc			☐	1	0	0		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>N.T. Thuận Trang</u> Chữ ký: <u>thuy</u> 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn T. Thi Thuận Trang</u> Chữ ký: <u>thuy</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232002445

Tên học phần: **Vật lý linh kiện điện tử**

Mã học phần: ETC10001

Lớp: 21DTV2

Ngày thi: 13/04/2023 Giờ thi: 08:00 - 09:00

Phòng thi: F304

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
101	21200346	Lê Đoàn Phú	Sang			☐	1	0	0		
102	21200347	Lâm Hải	Son			☐		1	8		
103	21200348	Võ Tấn	Tài			☐		9	8		
104	21200350	Trần Vy	Thanh			☐		7	7		
105	21200351	Lê Minh	Thành			☐		9	5		
106	21200352	Lý Nguyên	Thành			☐		1	0		
107	21200353	Nguyễn Phước	Thành			☐		1	0		
108	21200354	Trịnh Đình	Thạnh			☐	1	0	0		
109	21200355	Lê Minh	Thế			☐		0	0		
110	21200356	Lê Minh	Thông			☐		8	5		
111	21200359	Dương Văn	Thương			☐		6	7		
112	21200360	Vũ Nhật	Tiến			☐		7	3		
113	21200361	Trần Huỳnh	Tín			☐		5	0		
114	21200362	Nguyễn Đức	Trí			☐		6	3		
115	21200363	Nguyễn Minh	Trí			☐		9	3		
116	21200366	Võ Duy	Trường			☐		8	8		
117	21200367	Lê Đức Anh	Tuấn			☐		3	3		
118	21200368	Nghiêm Thái Hoàng	Tuấn			☐		5	0		
119	21200369	Nguyễn Văn	Viên			☐		2	7		
120	21200373	Huỳnh Đa	Ý			☐		5	0		
121	21200375	Phạm Thanh	Dương			☐		6	3		
122						☐					
123						☐					
124						☐					
125						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1) <i>Nguyễn Văn Trọng</i>	Chữ ký: <i>Nguyễn Văn Trọng</i>	1) <i>Nguyễn Thị Thiên Trang</i>	Chữ ký: <i>Nguyễn Thị Thiên Trang</i>		
2)	Chữ ký:	Chữ ký: <i>Nguyễn Thị Thiên Trang</i>		Chữ ký:	



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001619

Tên học phần: **Khoa học trái đất**

Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **22DTV1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	22110229	Nguyễn Trọng	Toàn		<i>T Toàn</i>	☐		6	0	Sau' chẵn	
2	22110241	Trần Minh	Trực		<i>Tr Minh</i>	☐		4	0	Bớt' chẵn	
3	22110242	Lê Thành	Trung		<i>Lê Thành</i>	☐		7	5	Bay' rớt	
4	22110243	Mã Thành	Trung		<i>Mã Thành</i>	☐		6	5	Sau' rớt	
5	22110244	Đỗ Nguyễn Quang	Trường		<i>Đỗ Nguyễn Quang</i>	☐		4	0	Bớt' chẵn	
6	22110245	Lê Phú	Trường		<i>Lê Phú</i>	☐		5	5	Năm' rớt	
7	22110247	Nguyễn Văn	Trường		<i>Nguyễn Văn</i>	☐		7	5	Bay' rớt	
8	22110256	Lê Huỳnh Hải	Vân		<i>Lê Huỳnh Hải</i>	☐		6	0	Sau' chẵn	
9	22110258	Trần Khải	Vân		<i>Trần Khải</i>	☐		9	0	Chẵn' chẵn	
10	22110259	Lê Đại	Việt		<i>Lê Đại</i>	☐		6	0	Sau' chẵn	
11	22110260	Trần Chí Hoàng	Việt		<i>Trần Chí Hoàng</i>	☐		6	0	Sau' chẵn	
12	22110265	Huỳnh Ngọc Tường	Vy		<i>Huỳnh Ngọc Tường</i>	☐		5	5	Năm' rớt	
13	22110266	Lê Tường	Vy		<i>Lê Tường</i>	☐		6	5	Sau' rớt	
14	22120088	Văn Hồ Phương	Hà		<i>Văn Hồ Phương</i>	☐		7	0	Bay' chẵn	
15	22120444	Trương Việt	Vũ		<i>Trương Việt</i>	☐		6	0	Sau' chẵn	
16	22130045	Phan Lam	Giang		<i>Phan Lam</i>	☐		6	0	Sau' chẵn	
17	22130082	Nguyễn Lê Minh	Khôi		<i>Nguyễn Lê Minh</i>	☐		6	0	Sau' chẵn	
18	22130110	Đặng Phạm Kim	Ngân		<i>Đặng Phạm Kim</i>	☐		7	0	Bay' chẵn	
19	22130116	Huỳnh Mỹ	Ngọc		<i>Huỳnh Mỹ</i>	☐		7	0	Bay' chẵn	
20	22190001	Võ Thúy	An		<i>Võ Thúy</i>	☐		6	5	Sau' rớt	
21	22190003	Lê Tiến	Anh		<i>Lê Tiến</i>	☐		6	5	Sau' rớt	
22	22190005	Phạm Thủy Vân	Anh		<i>Phạm Thủy Vân</i>	☐		7	0	Bay' chẵn	
23	22190015	Nguyễn Thành	Đạt		<i>Nguyễn Thành</i>	☐		5	0	Năm' chẵn	
24	22190019	Nguyễn Thọ Thái	Duy		<i>Nguyễn Thọ Thái</i>	☐		5	5	Năm' rớt	
25	22190022	Nguyễn Thị Cẩm	Giang		<i>Nguyễn Thị Cẩm</i>	☐		6	0	Sau' chẵn	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Lê Thị Ngọc Tường</i> Chữ ký: <i>Lê Thị Ngọc Tường</i> 2) <i>Lê Đình Khoa</i> Chữ ký: <i>Lê Đình Khoa</i>	Họ, tên: <i>Ngô Thị Phương Huyền</i> Chữ ký: <i>Ngô Thị Phương Huyền</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001620

Tên học phần: **Khoa học trái đất**

Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **22DTV1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
26	22190024	Trần Trọng Minh	Hải		Hải			6	5	Sau rớt	
27	22190025	Nguyễn Hạnh Bảo	Hân		T. Tayba			7	0	Bay chán	
28	22200035	Trần Tài	Đức		Đau			6	0	Sau chán	
29	22200048	Trần Lương Minh	Giang		Glav			7	5	Bay rớt	
30	22200049	Trương Quang	Giáp		CG			6	5	Sau rớt	
31	22200063	Phạm Trọng	Hoàng		Holz			8	5	Tam rớt	
32	22200079	Phạm Vĩnh	Khang		Khang			4	5	Bôn rớt	
33	22200084	Đặng Đình	Khôi		Khôi			5	5	Năm rớt	
34	22200090	Phan Thị Thuý	Kiều		Thue			5	0	Năm chán	
35	22280017	Ngô Thị Mỹ	Duyên		Duyên			9	0	Chín chán	
36	22280021	Hoàng Minh	Hiền		Lu			7	0	Bay chán	
37	22280026	Huỳnh Ngọc	Hòa		Khai			5	5	Năm rớt	
38	22280028	Hoàng Thái	Hoàng		Hu			5	5	Năm rớt	
39	22280032	Phạm Nguyễn	Hoàng								
40	22280091	Nguyễn Ngọc Thanh	Thư		Thư			6	0	Sau chán	
41	22280098	Nguyễn Đức	Trưởng		Trưởng			7	5	Bay rớt	
42											
43											
44											
45											
46											
47											
48											
49											
50											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Thị Ngọc Trang Chữ ký: [Chữ ký]	Họ, tên: Ngô Thị Phương Uyên Chữ ký: [Chữ ký]	Họ, tên: Chữ ký:
2) Lê Thị Ngọc Trang Chữ ký: [Chữ ký]		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001617

Tên học phần: **Khoa học trái đất**Mã học phần: **GEO00002**Lớp: **22DTV1**Ngày thi: **26/04/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	1713051	Trịnh Hoàng	Huệ		<i>huệ</i>	☐		5	5	Năm rưỡi	
2	1720077	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Hải		<i>tuấn</i>	☐		4	0	Bốn' chẵn	
3	18120340	Hồ Nguyễn Ngọc	Duy		<i>Duy</i>	☐		7	5	Bảy rưỡi	
4	19220109	Lê Quốc	Hậu		<i>Quốc</i>	☐		7	5	Bảy rưỡi	
5	20110339	Phạm Thị Kiều	Trình		<i>Trình</i>	☐		4	5	Bốn' rưỡi	
6	20120251	Trần Đức	Anh		<i>Đ</i>	☐		8	0	Tám' chẵn	
7	20130146	Bành Thế Thanh	Vinh		<i>th</i>	☐		7	0	Bảy' chẵn	
8	20170030	Điền Đức	Anh		<i>Đ</i>	☐		6	0	Sáu' chẵn	
9	20170053	Ngô Thị Thùy	Linh		<i>L</i>	☐		5	5	Năm rưỡi	
10	20170054	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh		<i>kh</i>	☐		6	0	Sáu' chẵn	
11	20170066	Nguyễn Trần Hải	My		<i>Haing</i>	☐		3	5	Ba' rưỡi	
12	20170075	Phạm Song Bảo	Ngọc		<i>K</i>	☐		5	0	Năm' chẵn	
13	20200008	Phan Nguyễn Việt	Anh			☒					
14	21120108	Nguyễn Tiến	Nhật		<i>Nhat</i>	☐		5	0	Năm' chẵn	
15	21120110	Nguyễn Tấn	Phát		<i>Phat</i>	☐		9	0	Chín' chẵn	
16	21120394	Nguyễn Hoàng Ngọc	Bảo		<i>Ngoc</i>	☐		7	0	Bảy' chẵn	
17	21120425	Hứa Phúc	Đăng		<i>Phuc</i>	☐		8	0	Tám' chẵn	
18	21120445	Lê Thanh	Hải		<i>th</i>	☐		6	0	Sáu' chẵn	
19	21120456	Khru Tấn	Hoàng		<i>K</i>	☐		7	5	Bảy rưỡi	
20	21120550	Chu Văn	Tài		<i>to</i>	☐		8	5	Tám rưỡi	
21	21170066	Vũ Quế	Anh		<i>Thanh</i>	☐		5	0	Năm' chẵn	
22	21220061	Văn Trần Phương	Anh			☒					
23	21220072	Nguyễn Tiến	Đạt		<i>Phat</i>	☐		5	0	Năm' chẵn	
24	21220090	Nguyễn Đình Gia	Huy		<i>De</i>	☐		4	0	Bốn' chẵn	
25	22110086	Nguyễn Phi	Khoa		<i>khoa</i>	☐		6	5	Sáu' rưỡi	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Nguyễn Ngọc Tiến*
1)..... Chữ ký: *NT*
2) *Thị Kiều Kiều*..... Chữ ký: *✓*

Họ, tên: *Ngô Thị Phương Uyên*
..... Chữ ký: *Phu*

Họ, tên:
..... Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001618

Tên học phần: **Khoa học trái đất**

Mã học phần: **GEO00002**

Lớp: **22DTV1**

Ngày thi: **26/04/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
26	22110089	Nguyễn Minh	Khôi		<i>[Signature]</i>	☐		7	0	Bայ့် chẵn	
27	22110090	Tạ Minh	Khôi		<i>[Signature]</i>	☐		6	5	Sau' rớt	
28	22110092	Nguyễn Thanh	Kiên		<i>[Signature]</i>	☐		6	0	Sau' chẵn	
29	22110098	Trần Thị Mỹ	Kim		<i>[Signature]</i>	☐		7	5	Bայ့် rớt	
30	22110107	Nguyễn Đặng Hoàng	Long		<i>[Signature]</i>	☐		4	0	Bón' chẵn	
31	22110110	Quách Vũ	Luân		<i>[Signature]</i>	☐		6	0	Sau' chẵn	
32	22110114	Đỗ Đức	Mạnh		<i>[Signature]</i>	☐		7	0	Bայ့် chẵn	
33	22110133	Trần Lê Trung	Nghĩa		<i>[Signature]</i>	☐		6	5	Sau' rớt	
34	22110153	Dương Hoàng	Phát		<i>[Signature]</i>	☐		7	5	Bայ့် rớt	
35	22110154	Nguyễn Thanh	Phong		<i>[Signature]</i>	☐		6	0	Sau' chẵn	
36	22110159	Trần Phong	Phú		<i>[Signature]</i>	☐		5	5	Năm rớt	
37	22110160	Lê Hoàng	Phúc		<i>[Signature]</i>	☐		5	5	Năm rớt	
38	22110166	Ngô Quốc	Phương		<i>[Signature]</i>	☐		5	5	Năm rớt	
39	22110169	Hồ Đức	Quân		<i>[Signature]</i>	☐		4	5	Bón' rớt	
40	22110171	Trà Minh	Quân		<i>[Signature]</i>	☐		6	0	Sau' chẵn	
41	22110202	Lý Quang	Thắng		<i>[Signature]</i>	☐		6	5	Sau' rớt	
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002356

Tên học phần: **Tinh thể - khoáng vật**Mã học phần: **GEO10004**Lớp: **22DCH1**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	22160001	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân		<i>Nguyễn Ngọc Thiên</i>	☒	8	0		<i>tám</i>	
2	22160002	Phạm Gia	Hân		<i>Phạm Gia</i>	☒	9	0		<i>chín</i>	
3	22160003	Nguyễn Phú	Hòa			☒					
4	22160004	Nguyễn Minh	Huy		<i>Nguyễn Minh</i>	☒	7	0		<i>bảy</i>	
5	22160005	Dương Hoàng	Khang			☒					
6	22160006	Đào Lê Minh	Khoa		<i>Đào Lê Minh</i>	☒	6	0		<i>sáu</i>	
7	22160007	Nguyễn Thị Ái	Lãnh		<i>Nguyễn Thị Ái</i>	☒	10			<i>mười</i>	
8	22160014	Phan Thị Phương	Thảo			☒					
9	22160015	Nguyễn Trần	Trọng		<i>Nguyễn Trần</i>	☒	7	0		<i>bảy</i>	
10						☐					
11						☐					
12						☐					
13						☐					
14						☐					
15						☐					
16						☐					
17						☐					
18						☐					
19						☐					
20						☐					
21						☐					
22						☐					
23						☐					
24						☐					
25						☐					

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Phạm Trọng Hiền*
1).....Chữ ký: *Phạm Trọng Hiền*
2).....Chữ ký:

Họ, tên: *Phạm Trọng Hiền*
Chữ ký: *Phạm Trọng Hiền*

Họ, tên: *Phạm Trọng Hiền*
Chữ ký: *Phạm Trọng Hiền*



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002367

Tên học phần: **Địa hóa học**

Mã học phần: **GEO10056**

Lớp: **20DCH21KDC** Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	19160027	Trần Hoài	Phong								
2	20160005	Phan Thị Huyền	Trần	1			8	0		Tám	
3	20160006	Lê Phạm Quỳnh	Trang	2			8	5		Tám phẩy năm	
4	20160007	Nguyễn Ngọc	Tuyền	1			7	5		bảy phẩy năm	
5	20160008	Lê Hải	Yến	1			8	0		Tám	
6	20160011	Lê Chí	Bằng	1			6	0		Sáu	
7	20160012	Lê Nguyễn Ngọc	Hân	1			9	0		Chín	
8	20160013	Lê Xuân	Hoàng	1			8	0		Tám	
9	20160015	Nguyễn Như	Huỳnh	1			7	0		bảy	
10	20160016	Dương Bảo	Minh	2			8	0		tám	
11	20160017	Phạm Bá	Nghĩa	4			7	0		bảy	
12	20160018	Lê Thị Hồng	Ngọc	1			8	0		tám	
13	20160025	Mai Trần Như	Phương	2			8	5		tám phẩy năm	
14	20160030	Tạ Bội	Trần	2			10			Mười	
15	20160031	Lý Cung	Trúc	1			9	0		Chín	
16	20160033	Phạm Nguyễn Thúy	Vy	2			9	5		chín phẩy năm	
17	21270009	Lê Quốc	Duy								
18	21270010	Đoàn	Luận	1			6	5		Sáu phẩy năm	
19	21270011	Phạm Hoàng	Phúc	1			6	5		Sáu phẩy năm	
20	21270013	Phan Phước	Sang	1			8	5		tám phẩy năm	
21	21270015	Lương Thành	Thống	1			6	5		Sáu phẩy năm	
22	21270017	Lê Nguyễn Minh	Trí	1			7	5		bảy phẩy năm	
23	22160009	Đặng Minh	Luật	1			9	0		chín	
24	22270004	Trần Lê Yến	Chi	1			8	5		tám phẩy năm	
25	22270009	Nguyễn Ngọc	Huy	1			7	5		bảy phẩy năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Phạm Trọng Hòa</u> 1).....Chữ ký: <u></u> 2).....Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: <u>Phạm Trọng Hòa</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: <u>Phạm Trọng Hòa</u> Chữ ký: <u></u>



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002368

Tên học phần: **Địa hóa học**

Mã học phần: **GEO10056**

Lớp: **20DCH21KDC** Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
26	22270011	Nguyễn Trường	Thịnh	1	Thịnh	☒	7	5		Nguyễn Trường	
27						☐					
28						☐					
29						☐					
30						☐					
31						☐					
32						☐					
33						☐					
34						☐					
35						☐					
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:	Phạm Trang Hiên	Họ, tên:	Phạm Trang Hiên	Họ, tên:	Phạm Trang Hiên
1).....Chữ ký:		1).....Chữ ký:		1).....Chữ ký:	
2).....Chữ ký:		2).....Chữ ký:		2).....Chữ ký:	



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002369

Tên học phần: **Địa chất Việt Nam**Mã học phần: **GEO10063**Lớp: **20DCH21KDC** Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	19160027	Trần Hoài	Phong								
2	20160005	Phan Thị Huyền	Trần	1	<i>[Signature]</i>		7	0		bảy	
3	20160006	Lê Phạm Quỳnh	Trang	1	<i>[Signature]</i>		7	0		bảy	
4	20160007	Nguyễn Ngọc	Tuyển	1	<i>[Signature]</i>		7	5		bảy phẩy năm	
5	20160008	Lê Hải	Yến	1	<i>[Signature]</i>		7	5		bảy phẩy năm	
6	20160011	Lê Chí	Bằng	1	<i>[Signature]</i>		8	0		tám	
7	20160012	Lê Nguyễn Ngọc	Hân	1	<i>[Signature]</i>		9	0		chín	
8	20160013	Lê Xuân	Hoàng	1	<i>[Signature]</i>		9	0		chín	
9	20160015	Nguyễn Như	Huỳnh	1	<i>[Signature]</i>		7	0		bảy	
10	20160016	Dương Bảo	Minh	1	<i>[Signature]</i>		7	5		bảy phẩy năm	
11	20160017	Phạm Bá	Nghĩa	1	<i>[Signature]</i>		6	0		sáu	
12	20160018	Lê Thị Hồng	Ngọc	1	<i>[Signature]</i>		7	0		bảy	
13	20160025	Mai Trần Như	Phương	1	<i>[Signature]</i>		8	5		tám phẩy năm	
14	20160030	Tạ Bội	Trần	1	<i>[Signature]</i>		9	0		chín	
15	20160031	Lý Cung	Trúc	1	<i>[Signature]</i>		9	0		chín	
16	20160033	Phạm Nguyễn Thúy	Vy	1	<i>[Signature]</i>		9	0		chín	
17	21270009	Lê Quốc	Duy								
18	21270010	Đoàn	Luận	1	<i>[Signature]</i>		6	0		sáu	
19	21270011	Phạm Hoàng	Phúc	1	<i>[Signature]</i>		6	0		sáu	
20	21270013	Phan Phước	Sang	1	<i>[Signature]</i>		9	0		chín	
21	21270015	Lương Thành	Thống	1	<i>[Signature]</i>		5	0		năm	
22	21270017	Lê Nguyễn Minh	Trí	1	<i>[Signature]</i>		6	0		sáu	
23	22160009	Đặng Minh	Luật	1	<i>[Signature]</i>		7	0		bảy	
24	22270004	Trần Lê Yến	Chi	1	<i>[Signature]</i>		8	0		tám	
25	22270007	Võ Huy	Hùng	1	<i>[Signature]</i>		7	5		bảy phẩy năm	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:	1) <i>Phạm Trang Hiền</i>	Họ, tên:	<i>Phạm Trang Hiền</i>	Họ, tên:	<i>Phạm Trang Hiền</i>
Chữ ký:	<i>[Signature]</i>	Chữ ký:	<i>[Signature]</i>	Chữ ký:	<i>[Signature]</i>
2).....	Chữ ký:				



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232002370

Tên học phần: **Địa chất Việt Nam**

Mã học phần: **GEO10063**

Lớp: **20DCH21KDC** Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	22270009	Nguyễn Ngọc	Huy	1	<i>huy</i>	☐	9	0		<i>chín</i>	
27	22270010	Lê Tuấn	Tài	1	<i>TÀI</i>	☐	7	0		<i>bảy</i>	
28	22270012	Nguyễn Trung	Thành	1	<i>Thành</i>	☐	7	0		<i>bảy</i>	
29						☐					
30						☐					
31						☐					
32						☐					
33						☐					
34						☐					
35						☐					
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Phạm Trọng Hiếu</i> 1).....Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2).....Chữ ký:	Họ, tên: <i>Phạm Trọng Hiếu</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>Phạm Trọng Hiếu</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001957

Tên học phần: **An toàn bức xạ**

Mã học phần: **MPH10105**

Lớp: **20VLYK**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	20260010	Đỗ Hoàng Triều	Dương		<i>Dương</i>	☐		8		tám	
2	20260012	Vũ Thị Thúy	Hà		<i>Hà</i>	☐		6		sáu	
3	20260013	Đỗ Nguyễn Ngọc	Hân		<i>Ng</i>	☐		6		sáu	
4	20260015	Từ Hồ Hải	Hoàng		<i>Tru</i>	☐	1	0		mười	
5	20260018	Hồ Nguyễn Duy	Khang		<i>Khang</i>	☐		3		Ba	
6	20260020	Nguyễn Lê Khánh	Linh		<i>Linh</i>	☐		7		Bảy	
7	20260021	Văn Thị Thảo	Loan		<i>Loan</i>	☐		5		năm	
8	20260024	Đặng Hồ Đăng	Nghiêm		<i>Ng</i>	☐		6		sáu	
9	20260031	Bùi Đỗ Trúc	Phương		<i>Phu</i>	☐		7		Bảy	
10	20260032	Võ Chí	Phương		<i>Phu</i>	☐		7		Bảy	
11	20260034	Cao Lê Phương	Tâm		<i>Tam</i>	☐		6		sáu	
12	20260038	Dương Công	Thành		<i>Th</i>	☐		8		tám	
13	20260050	Nguyễn Trần Hồng	Ân		<i>An</i>	☐		9		chín	
14	20260051	Đặng Ngọc Vân	Anh		<i>Đng</i>	☐		9		chín	
15	20260052	Nguyễn Hồng	Anh		<i>Ng</i>	☐	1	0		mười	
16	20260054	Trần Ngọc Minh	Anh		<i>Minh</i>	☐		9		chín	
17	20260055	Trịnh Thùy	Anh		<i>Tru</i>	☐		6		sáu	
18	20260056	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		<i>Ng</i>	☐		7		Bảy	
19	20260059	Lê Chí	Công			☒					
20	20260060	Huỳnh Ngọc	Đa		<i>Hu</i>	☐		7		Bảy	
21	20260061	Đặng Nguyên Hải	Đăng		<i>Adam</i>	☐		9		chín	
22	20260063	Trần Minh	Dũng		<i>Tru</i>	☐		8		tám	
23	20260064	Trịnh Minh	Dũng		<i>Tru</i>	☐		8		tám	
24	20260066	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên		<i>Thuy</i>	☐		9		chín	
25	20260067	Đoàn Tuyết	Giang		<i>Tg</i>	☐		9		chín	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Phan Nguyễn Hoàng Long</i>	Họ, tên: <i>Châu V. Bảo</i>	Họ, tên:
1).....Chữ ký: <i>uc</i>	Chữ ký: <i>chau</i>	Chữ ký:
2).....Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001958

Tên học phần: **An toàn bức xạ**

Mã học phần: **MPH10105**

Lớp: **20VLYK**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
26	20260068	Phạm Hương	Giang			☐		9		chín	
27	20260070	Nguyễn Thị Thanh	Hằng			☐		5		năm	
28	20260071	Trần Hồng	Hạnh			☐		7		bảy	
29	20260072	Võ Như	Hào			☐		5		năm	
30	20260073	Lê Tiến	Hiếu			☐		9		chín	
31	20260074	Nguyễn Ngọc	Hoài			☐		9		chín	
32	20260075	Huỳnh Thị Thanh	Hường			☐		6		sáu	
33	20260076	Hồ Nguyễn Lê	Huy			☐		8		tám	
34	20260078	Vũ Đăng	Khoa			☐		5		năm	
35	20260080	Phạm Diệp Trung	Kiên			☐		6		sáu	
36	20260081	Lê Tuyết	Linh			☐		9		chín	
37	20260082	Nguyễn Nhật Giang	Linh			☐		9		chín	
38	20260083	Nguyễn Đình	Long			☐	1	0		mười	
39	20260085	Nguyễn Thị Mai	Ly			☐		8		tám	
40	20260086	Phạm Thị Tiểu	Mi			☐		4		bốn	
41	20260087	Trịnh Gia	Minh			☐		9		chín	
42	20260088	Tạ Nhật	Nam			☐	1	0		mười	
43	20260091	Võ Khôi	Nguyên			☐		8		tám	
44	20260093	Từ Ý	Nhi			☐		7		bảy	
45	20260094	Lê Tiến	Phát			☐		9		chín	
46	20260095	Phùng Tấn	Phát			☐		7		bảy	
47	20260096	Ngô Trường	Phú			☐		9		chín	
48	20260098	Vũ Đức	Tài			☐		8		tám	
49	20260099	An Thị Như	Tâm			☐		7		bảy	
50	20260100	Nguyễn Hạ Minh	Thư			☐		6		sáu	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Phạm Ngọc Yến Hoàng</u> 1) <u>Phạm Ngọc Yến Hoàng</u> Chữ ký: 2) Chữ ký:	Họ, tên: <u>Châu V. Bảo</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001959

Tên học phần: **An toàn bức xạ**

Mã học phần: **MPH10105**

Lớp: **20VLYK**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	20260101	Nguyễn Thị Anh	Thư			☐		9		chín	
52	20260102	Nguyễn Xuân	Tính			☐		7		Bảy	
53	20260103	Lê Chí	Tính			☐	1	0		Mười	
54	20260104	Võ Thị	Trang			☐		7		bảy	
55	20260105	Mai Nguyễn Hoàng	Tú			☐		5		năm	
56	20260106	Nguyễn Thị Thanh	Tú			☐		9		chín	
57	20260108	Nguyễn Lê Hữu	Ước			☐		7		Bảy	
58	20260109	Lê Thị Ái	Vân			☐		9		chín	
59	20260110	Hoàng Thị	Vy			☐	1	0		Mười	
60	20260111	Lê Thanh	Vy			☐		9		chín	
61	20260112	Nguyễn Thị Thanh	Vy			☐		8		tám	
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Lê Văn Ngọc</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Châu Văn Đạo</u> Chữ ký:	Họ, tên: _____ Chữ ký: _____
2).....Chữ ký: _____		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001960

Tên học phần: **Cơ sở vật lý trong xạ trị**

Mã học phần: **MPH10108**

Lớp: **20VLYK**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
1	19230014	Nguyễn Hoàng	Minh								
2	19230022	Nguyễn Phúc	Tân					8	8	Tám tám	
3	20230012	Nguyễn Cao	Trí					8	7	Tám bảy	
4	20230022	Nguyễn Minh	Đăng					8	4	Tám bốn	
5	20230045	Nguyễn Tấn	Phong					7	9	Bảy chín	
6	20230058	Hà Kiều	Trinh					9	2	Chín hai	
7	20260010	Đỗ Hoàng Triều	Dương					8	6	Tám sáu	
8	20260012	Vũ Thị Thúy	Hà					8	4	Tám bốn	
9	20260013	Đỗ Nguyễn Ngọc	Hân					7	2	Bảy hai	
10	20260015	Từ Hồ Hải	Hoàng					8	2	Tám hai	
11	20260018	Hồ Nguyễn Duy	Khang					8	9	Tám chín	
12	20260020	Nguyễn Lê Khánh	Linh					8	6	Tám sáu	
13	20260021	Vân Thị Thảo	Loan					8	6	Tám sáu	
14	20260024	Đặng Hồ Đăng	Nghiêm					8	7	Tám bảy	
15	20260031	Bùi Đỗ Trúc	Phương					7	4	Bảy bốn	
16	20260032	Võ Chí	Phương					8	9	Tám chín	
17	20260034	Cao Lê Phương	Tâm					8	7	Tám bảy	
18	20260038	Dương Công	Thành					6	5	Sáu năm	
19	20260050	Nguyễn Trần Hồng	Ân					8	3	Tám ba	
20	20260051	Đặng Ngọc Vân	Anh					8	6	Tám sáu	
21	20260052	Nguyễn Hồng	Anh					8	2	Tám hai	
22	20260054	Trần Ngọc Minh	Anh					8	3	Tám ba	
23	20260055	Trịnh Thùy	Anh					7	0	Bảy không	
24	20260056	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh					7	8	Bảy tám	
25	20260059	Lê Chí	Công					5	1	Năm một	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Ng. Thị Cẩm Thu</u> Chữ ký: <u>[signature]</u> 2) Chữ ký:	Họ, tên: <u>Ng. Thị Cẩm Thu</u> Chữ ký: <u>[signature]</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001961

Tên học phần: **Cơ sở vật lý trong xạ trị**

Mã học phần: **MPH10108**

Lớp: **20VLYK**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
26	20260060	Huỳnh Ngọc	Đa					7	5	Bảy năm	
27	20260061	Đặng Nguyên Hải	Đặng					8	2	Tám hai	
28	20260063	Trần Minh	Dũng					8	2	Tám hai	
29	20260064	Trịnh Minh	Dũng					7	4	Bảy bốn	
30	20260066	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên					8	2	Tám hai	
31	20260067	Đoàn Tuyết	Giang					7	5	Bảy năm	
32	20260068	Phạm Hương	Giang					8	1	Tám một	
33	20260070	Nguyễn Thị Thanh	Hằng					6	8	Sáu tám	
34	20260071	Trần Hồng	Hạnh					8	4	Tám bốn	
35	20260072	Võ Như	Hào					7	3	Bảy ba	
36	20260073	Lê Tiến	Hiếu					7	7	Bảy bảy	
37	20260074	Nguyễn Ngọc	Hoài					8	4	Tám bốn	
38	20260075	Huỳnh Thị Thanh	Hương					7	7	Bảy bảy	
39	20260076	Hồ Nguyễn Lê	Huy					7	1	Bảy một	
40	20260078	Vũ Đăng	Khoa					5	1	Năm một	
41	20260080	Phạm Diệp Trung	Kiên					4	8	Bốn tám	
42	20260081	Lê Tuyết	Linh					8	0	Tám không	
43	20260082	Nguyễn Nhựt Giang	Linh					8	6	Tám sáu	
44	20260083	Nguyễn Đình	Long					8	6	Tám sáu	
45	20260085	Nguyễn Thị Mai	Ly					8	1	Tám một	
46	20260086	Phạm Thị Tiểu	Mi					6	5	Sáu năm	
47	20260087	Trịnh Gia	Minh					8	5	Tám năm	
48	20260088	Tạ Nhật	Nam					8	0	Tám không	
49	20260091	Võ Khôi	Nguyên					7	7	Bảy bảy	
50	20260093	Từ Ý	Nhi					8	9	Tám chín	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Ngô Thị Cẩm Thu</u> Chữ ký: <u>nghe</u> 2) Chữ ký:	Họ, tên: <u>Ngô Thị Cẩm Thu</u> Chữ ký: <u>nghe</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001962

Tên học phần: **Cơ sở vật lý trong xạ trị**Mã học phần: **MPH10108**Lớp: **20VLYK**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	20260094	Lê Tiến	Phát			○		8	6	Tám sáu	
52	20260095	Phùng Tấn	Phát			○		8	2	Tám hai	
53	20260096	Ngô Trường	Phú			○		8	6	Tám sáu	
54	20260098	Vũ Đức	Tài			○		8	3	Tám ba	
55	20260099	An Thị Như	Tâm			○		8	6	Tám sáu	
56	20260100	Nguyễn Hạ Minh	Thư			○		7	2	Bảy hai	
57	20260101	Nguyễn Thị Anh	Thư			○		8	5	Tám năm	
58	20260102	Nguyễn Xuân	Tính			○		8	8	Tám tám	
59	20260103	Lê Chí	Tinh			○		8	8	Tám tám	
60	20260104	Võ Thị	Trang			○		7	8	Bảy tám	
61	20260105	Mai Nguyễn Hoàng	Tú			○		6	4	Sáu bốn	
62	20260106	Nguyễn Thị Thanh	Tú			○		8	0	Tám không	
63	20260108	Nguyễn Lê Hữu	Ước			○		8	2	Tám hai	
64	20260109	Lê Thị Ái	Vân			○		7	1	Bảy một	
65	20260110	Hoàng Thị	Vy			○		8	6	Tám sáu	
66	20260111	Lê Thanh	Vy			○		8	6	Tám sáu	
67	20260112	Nguyễn Thị Thanh	Vy			○		8	8	Tám tám	
68						○					
69						○					
70						○					
71						○					
72						○					
73						○					
74						○					
75						○					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Ng. Thị Cẩm Thu</u> Chữ ký: <u>ghe</u> 2) Chữ ký:	Họ, tên: <u>Ng. Thị Cẩm Thu</u> Chữ ký: <u>ghe</u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



22232001969

Tên học phần: **Nguyên lý và ứng dụng máy gia tốc**Mã học phần: **MPH10114**Lớp: **20VLYK**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	20260010	Đỗ Hoàng Triều	Dương		<i>Dương</i>		8	7		Tám bảy	
2	20260012	Vũ Thị Thúy	Hà		<i>Hà</i>		9	3		Chín ba	
3	20260013	Đỗ Nguyễn Ngọc	Hân		<i>Hân</i>		8	8		Tám tám	
4	20260015	Từ Hồ Hải	Hoàng		<i>Hoàng</i>		9	1		Chín một	
5	20260018	Hồ Nguyễn Duy	Khang		<i>Khang</i>		9	1		Chín một	
6	20260020	Nguyễn Lê Khánh	Linh		<i>Linh</i>		9	3		Chín ba	
7	20260021	Văn Thị Thảo	Loan	1	<i>Loan</i>		8	9		Tám chín	
8	20260024	Đặng Hồ Đăng	Nghiêm		<i>Đăng</i>		9	3		Chín ba	
9	20260031	Bùi Đỗ Trúc	Phương		<i>Phương</i>		9	1		Chín một	
10	20260032	Võ Chí	Phương		<i>Phương</i>		9	7		Chín bảy	
11	20260034	Cao Lê Phương	Tâm		<i>Tâm</i>		8	9		Tám chín	
12	20260038	Dương Công	Thành		<i>Thành</i>		9	3		Chín ba	
13	20260050	Nguyễn Trần Hồng	Ân		<i>Ân</i>		9	8		Chín tám	
14	20260051	Đặng Ngọc Vân	Anh		<i>Anh</i>		9	7		Chín bảy	
15	20260052	Nguyễn Hồng	Anh		<i>Anh</i>		9	4		Chín bốn	
16	20260054	Trần Ngọc Minh	Anh		<i>Minh</i>		8	5		Tám rưỡi	
17	20260055	Trịnh Thùy	Anh		<i>Anh</i>		9	1		Chín một	
18	20260056	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		<i>Ngọc</i>		8	9		Tám chín	
19	20260059	Lê Chí	Công				0	0		Không	
20	20260060	Huỳnh Ngọc	Đa		<i>Đa</i>		8	9		Tám chín	
21	20260061	Đặng Nguyên Hải	Đăng		<i>Đăng</i>		8	9		Tám chín	
22	20260063	Trần Minh	Dũng		<i>Minh</i>		8	5		Tám rưỡi	
23	20260064	Trịnh Minh	Dũng		<i>Minh</i>		9	3		Chín ba	
24	20260066	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên		<i>Cẩm</i>		9	1		Chín một	
25	20260067	Đoàn Tuyết	Giang		<i>Tuyết</i>		9	1		Chín một	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: *Văn Thị Thu Trang*
1) *Văn Thị Thu Trang* Chữ ký: *VTS*
2) *P.N.H. Long* Chữ ký: *PNH*

Họ, tên: *Văn Thị Thu Trang*
Chữ ký: *VTS*

Họ, tên:
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001970

Tên học phần: **Nguyên lý và ứng dụng máy gia tốc**

Mã học phần: **MPH10114**

Lớp: **20VLYK**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
26	20260068	Phạm Hương	Giang			☐		9	4	Chín bốn	
27	20260070	Nguyễn Thị Thanh	Hằng			☐		9	3	Chín ba	
28	20260071	Trần Hồng	Hạnh			☐		9	7	Chín bảy	
29	20260072	Võ Như	Hào			☐		9	4	Chín bốn	
30	20260073	Lê Tiến	Hiếu			☐		9	5	Chín rưỡi	
31	20260074	Nguyễn Ngọc	Hoài			☐		8	7	Tám bảy	
32	20260075	Huỳnh Thị Thanh	Hường			☐		9	3	Chín ba	
33	20260076	Hồ Nguyễn Lê	Huy			☐		9	5	Chín rưỡi	
34	20260078	Vũ Đăng	Khoa			☐		9	3	Chín ba	
35	20260080	Phạm Diệp Trung	Kiên			☐		9	3	Chín ba	
36	20260081	Lê Tuyết	Linh			☐		8	6	Tám sáu	
37	20260082	Nguyễn Nhật Giang	Linh			☐		9	0	Chín tròn	
38	20260083	Nguyễn Đình	Long			☐		8	9	Tám chín	
39	20260085	Nguyễn Thị Mai	Ly			☐		8	5	Tám rưỡi	
40	20260086	Phạm Thị Tiểu	Mi			☐		8	9	Tám chín	
41	20260087	Trịnh Gia	Minh			☐		9	5	Chín rưỡi	
42	20260088	Tạ Nhật	Nam			☐		8	5	Tám rưỡi	
43	20260091	Võ Khôi	Nguyên			☐		8	9	Tám chín	
44	20260093	Từ Ý	Nhi			☐		9	6	Chín sáu	
45	20260094	Lê Tiến	Phát			☐		8	5	Tám rưỡi	
46	20260095	Phùng Tấn	Phát			☐		9	5	Chín rưỡi	
47	20260096	Ngô Trường	Phú			☐		8	7	Tám bảy	
48	20260098	Vũ Đức	Tài			☐		8	5	Tám rưỡi	
49	20260099	An Thị Như	Tâm			☐		9	0	Chín tròn	
50	20260100	Nguyễn Hạ Minh	Thư			☐		9	1	Chín một	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Văn Thị Thu Trang</u> Chữ ký: <u></u> 2) <u>P.N.H. Long</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: <u>Văn Thị Thu Trang</u> Chữ ký: <u></u>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001971

Tên học phần: **Nguyên lý và ứng dụng máy gia tốc**Mã học phần: **MPH10114**Lớp: **20VLYK**

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
51	20260101	Nguyễn Thị Anh	Thư			☐	9	8		Chín tám	
52	20260102	Nguyễn Xuân	Tĩnh			☐	8	5		Tám năm	
53	20260103	Lê Chí	Tĩnh			☐	8	9		Tám chín	
54	20260104	Võ Thị	Trang			☐	8	6		Tám sáu	
55	20260105	Mai Nguyễn Hoàng	Tú			☐	8	5		Tám năm	
56	20260106	Nguyễn Thị Thanh	Tú			☐	8	6		Tám sáu	
57	20260108	Nguyễn Lê Hữu	Ước			☐	8	9		Tám chín	
58	20260109	Lê Thị Ái	Vân			☐	8	5		Tám năm	
59	20260110	Hoàng Thị	Vy			☐	8	6		Tám sáu	
60	20260111	Lê Thanh	Vy			☐	8	8		Tám tám	
61	20260112	Nguyễn Thị Thanh	Vy			☐	9	4		Chín bốn	
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Văn Thị Thu Trang</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Văn Thị Thu Trang</u> Chữ ký:	Họ, tên: _____
2) <u>P.N. H. Long</u> Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký: _____



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



22232001146

Tên học phần: **Đại số đại cương**Mã học phần: **MTH00031**Lớp: **22TTH2**Ngày thi: **04/05/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phân		
1	18110245	Ngô Dương Thùy	Trang		<i>Trang</i>	☐		0	0		
2	19110030	Nguyễn Minh	Anh		<i>Anh</i>	☐		1	5		
3	19110070	Hồ Như	Hào			☒					
4	19110258	Trần Hồng Thiên	Ân		<i>An</i>	☐		6	5		
5	19110295	Nguyễn Ngọc	Hà		<i>Hà</i>	☐		8	5		
6	19110341	Đoàn Huỳnh Văn	Khanh		<i>Xh</i>	☐		5	0		
7	19110361	Chu Khánh	Linh			☒					
8	19110424	Phạm Quang	Sang			☒					
9	19110451	Nguyễn Phạm Thanh	Thiên			☒					
10	19110463	Phạm Ngọc Minh	Thư		<i>Thư</i>	☐		1	0		
11	19110465	Từ Ngọc Như	Thuần		<i>Thuần</i>	☐		1	5		
12	19110474	Tô Trung	Tín		<i>Tín</i>	☐		0	5		
13	20110036	Trần Ngọc	Duyên		<i>TN</i>	☐		5	0		
14	20110065	Đặng Hải	Nam			☒					
15	20110127	Bùi Phương	Anh		<i>Bùi</i>	☐		3	5		
16	20110144	Bùi Ngọc Minh	Châu		<i>Cu</i>	☐		1	5		
17	20110174	Nguyễn Thương Nhật	Hà		<i>Nh</i>	☐		3	0		
18	20110186	Trần Lê	Hậu		<i>Hậu</i>	☐		3	0		
19	20110195	Võ Thị Cẩm	Hồng		<i>Võ</i>	☐		1	0		
20	20110197	Võ Đặng Nguyễn	Hưng		<i>Hưng</i>	☐		3	0		
21	20110202	Nguyễn Ngọc	Huỳnh		<i>Ng</i>	☐		1	0		
22	20110224	Lâm Mỹ	Linh		<i>Lm</i>	☐		1	0		
23	20110321	Nguyễn Thị Phương	Thùy		<i>Thuy</i>	☐		0	5		
24	20110359	Trần Thị Tố	Uyên		<i>Tr</i>	☐		1	5		
25	20110362	Nguyễn Văn	Việt		<i>Việt</i>	☐		7	0		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Đỗ Thanh Dung</i> 1) <i>Đỗ Thanh Dung</i> Chữ ký: <i>ĐTD</i> 2) <i>Lê Thị Hồng</i> Chữ ký: <i>LTH</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Kim Ngọc</i> Chữ ký: <i>NgK</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001147

Tên học phần: **Đại số đại cương**

Mã học phần: **MTH00031**

Lớp: **22TTH2**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21110105	Bùi Việt	Khang		<i>Chau</i>	☐	5	0			
27	21110165	Lê Bảo	Quỳnh		<i>Bao Quỳnh</i>	☐	1	5			
28	21110319	Chu Nguyễn Gia	Khánh		<i>h</i>	☐	2	0			
29	21110344	Nguyễn Phước Gia	My			☒					
30	21110355	Nguyễn Thế Minh	Nhật		<i>nhật</i>	☐	5	0			
31	21110360	Vũ Minh	Như		<i>Như</i>	☐	7	0			
32	21110414	Phan Hồng	Trâm		<i>Trâm</i>	☐	6	0			
33	21110430	Trần Hoàng Anh	Tú			☒					
34	22110078	Trần Nguyên	Khang		<i>Khang</i>	☐	9	0			
35	22110081	Lê Đặng Gia	Khánh		<i>Khánh</i>	☐	8	0			
36	22110082	Nguyễn Đoàn Phương	Khánh		<i>Khánh</i>	☐	6	0			
37	22110083	Nguyễn Hoàng	Khánh		<i>Khánh</i>	☐	7	0			
38	22110684	Nguyễn Đăng	Khoa		<i>Đăng</i>	☐	2	0			
39	22110085	Nguyễn Minh	Khoa		<i>Minh</i>	☐	2	5			
40	22110088	Thân Trọng Anh	Khoa		<i>Thân</i>	☐	6	5			
41	22110089	Nguyễn Minh	Khôi			☒					
42	22110091	Huỳnh Trung	Kiên			☒					
43	22110092	Nguyễn Thanh	Kiên		<i>Thanh</i>	☐	5	0			
44	22110093	Trần Trọng	Kiên		<i>Trần</i>	☐	7	0			
45	22110095	Châu Gia	Kiệt		<i>Gia</i>	☐	3	5			
46	22110096	Trương Hồng	Kiệt		<i>Hồng</i>	☐	5	5			
47	22110097	Võ Tuấn	Kiệt		<i>Tuấn</i>	☐	2	5			
48	22110098	Trần Thị Mỹ	Kim		<i>Mỹ</i>	☐	3	0			
49	22110099	Nguyễn Trí	Lâm		<i>Trí</i>	☐	5	0			
50	22110100	Nguyễn Võ Đức	Lâm			☒					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1)..... <i>Lê Đức Kiên</i>Chữ ký: <i>LĐK</i> 2)..... <i>Nguyễn Thị Thanh Dung</i>Chữ ký: <i>NTTD</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Kim Ngọc</i> Chữ ký: <i>Kim Ngọc</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



22232001148

Tên học phần: **Đại số đại cương**

Mã học phần: **MTH00031**

Lớp: **22TTH2**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	22110102	Đoàn Thị Ngọc	Lan		<i>yn</i>	☐		5	0		
52	22110103	Hoàng Thuý	Linh		<i>u</i>	☐		5	0		
53	22110105	Nguyễn Thị Yên	Linh		<i>W</i>	☐		5	0		
54	22110106	Trương Trần Phúc	Lĩnh		<i>Wh</i>	☐		1	5		
55	22110107	Nguyễn Đăng Hoàng	Long		<i>cuu</i>	☐		1	5		
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1) <i>Trần Thanh Dung</i>	Chữ ký: <i>Tuy</i>	1) <i>Nguyễn Kim Ngọc</i>	Chữ ký: <i>ngoc</i>		
2) <i>Lê Thị B.</i>	Chữ ký: <i>A</i>				



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001149

Tên học phần: **Đại số đại cương**Mã học phần: **MTH00031**Lớp: **22TTH2**Ngày thi: **04/05/2023**Giờ thi: **10g15**Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
1	22110110	Quách Vũ	Luân				4	0			
2	22110112	Cao Kiều Diệu	Ly				1	5			
3	22110113	Nguyễn Minh	Mẫn				8	5			
4	22110114	Đỗ Đức	Mạnh				6	5			
5	22110115	Nguyễn Thị	Mây								
6	22110117	Phan Nguyễn Tuấn	Minh				4	0			
7	22110118	Vũ Diệu	Minh				5	0			
8	22110119	Lê Thị Tuyết	Mơ				3	5			
9	22110120	Nguyễn Xuân	Mỹ				5	0			
10	22110121	Đinh Trần Thuận	Nam				2	5			
11	22110122	Đỗ Nhật	Nam				5	0			
12	22110123	Lê Nguyễn Đức	Nam				9	0			
13	22110124	Lê Thị Kim	Nga				5	5			
14	22110125	Phan Thị Thúy	Nga				5	5			
15	22110126	Nguyễn Thanh	Ngân				2	5			
16	22110128	Nguyễn Thị Kim	Ngân				5	0			
17	22110129	Trần Thị Kim	Ngân				9	0			
18	22110130	Phạm Văn	Nghĩa				8	5			
19	22110131	Phan Minh	Nghĩa				6	0			
20	22110132	Phan Quốc	Nghĩa				5	0			
21	22110135	Ngô Kim	Ngọc				7	0			
22	22110136	Trần Tiểu	Ngọc								
23	22110137	Trần Thiện	Nguyên				5	5			
24	22110138	Võ Hoàng	Nguyên				1	5			
25	22110139	Võ Ngọc Ánh	Nguyên				7	5			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký: 2) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001150

Tên học phần: **Đại số đại cương**

Mã học phần: **MTH00031**

Lớp: **22TTH2**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ă n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	22110140	Lương Trọng	Nhân		<i>Nhan</i>	☒		5	5		
27	22110145	Lê Vũ Uyển	Nhi			☒		.			
28	22110146	Lý Mẫn	Nhi		<i>Mẫn</i>	☒		5	0		
29	22110147	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi		<i>Tuyết</i>	☒		4	0		
30	22110148	Nguyễn Thùy Uyên	Nhi		<i>Uyên</i>	☒		7	0		
31	22110150	Lê Thị Cẩm	Nhung		<i>Nhung</i>	☒		6	0		
32	22110151	Lê Thị Thùy	Nhung		<i>Thùy</i>	☒		7	5		
33	22110153	Dương Hoàng	Phát		<i>Phát</i>	☒		6	5		
34	22110154	Nguyễn Thanh	Phong		<i>Phong</i>	☒		7	0		
35	22110155	Trần Nguyễn Thanh	Phong		<i>Thanh</i>	☒		8	5		
36	22110156	Trần Võ Nhật	Phong		<i>Phong</i>	☒		3	0		
37	22110157	Hồ Thanh	Phú		<i>Phú</i>	☒		6	0		
38	22110158	Trần Châu	Phú		<i>Phú</i>	☒		3	0		
39	22110159	Trần Phong	Phú		<i>Phong</i>	☒		5	0		
40	22110160	Lê Hoàng	Phúc		<i>Phúc</i>	☒		8	0		
41	22110161	Lưu Hoàng	Phúc		<i>Phúc</i>	☒		6	0		
42	22110162	Trương Hữu	Phúc		<i>Phúc</i>	☒		3	5		
43	22110163	Võ Hoàng	Phúc		<i>Phúc</i>	☒		1	0		
44	22110165	Trần Đình	Phước		<i>Phước</i>	☒		5	0		
45	22110166	Ngô Quốc	Phương		<i>Phương</i>	☒		6	5		
46	22110167	Đoàn Văn	Quan		<i>Quan</i>	☒		8	0		
47	22110168	Đặng Viết Minh	Quân			☒					
48	22110169	Hồ Đắc	Quân		<i>Đắc</i>	☒		5	0		
49	22110170	Hồ Minh	Quân		<i>Minh</i>	☒		2	0		
50	22110171	Trà Minh	Quân		<i>Minh</i>	☒		5	5		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Văn Thanh</i> Chữ ký: <i>Thanh</i> 2) <i>Nguyễn Thị Nga</i> Chữ ký: <i>Nga</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Kim Ngọc</i> Chữ ký: <i>Kim Ngọc</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001151

Tên học phần: **Đại số đại cương**

Mã học phần: **MTH00031**

Lớp: **22TTH2**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **10g15**

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	22110172	Trương Minh	Quân			☐		5	5		
52	22110174	Lê Trọng	Quang			☐		5	0		
53	22110175	Nguyễn Bửu Đăng	Quang			☐		3	5		
54	22110176	Nguyễn Xuân	Quang			☐		5	0		
55						☐					
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký: 2) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký: